

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn;
thu chi ngân sách địa phương năm 2024**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ TÂN BÌNH
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ 8**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm
2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân huyện Tân Biên, khóa XII, kỳ họp thứ 6 về dự toán thu ngân sách
nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20 /NQ-HĐND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Hội
đồng nhân dân huyện Tân Biên, khóa XII, kỳ họp thứ 6 về phân bổ ngân sách địa
phương năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 7165 /QĐ-UBND, ngày 22 tháng 12 năm 2023 của
UBND huyện Tân Biên về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm
2024 trên địa bàn huyện Tân Biên;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 106 /TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân xã Tân Bình về việc phê chuẩn dự toán thu ngân sách Nhà
nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương năm 2024; Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân xã và ý kiến của đại biểu Hội đồng
nhân dân xã.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua dự toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn;
thu, chi ngân sách địa phương năm 2024 với một số nội dung cơ bản như sau:

1. Dự toán thu Ngân sách Nhà nước năm 2024: 950 triệu đồng (Chín trăm
năm mươi triệu đồng).

2. Dự toán thu Ngân sách địa phương năm 2024: 10.416 triệu đồng (Mười
tỷ bốn trăm mười sáu triệu đồng) gồm:

- a. Thu ngân sách được hưởng (thu 100% và điều tiết): 1.748 triệu đồng
 - b. Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện: 8.148 triệu đồng
 - Thu ngân sách huyện bổ sung cân đối: 7.600 triệu đồng
 - Bổ sung thực hiện nhiệm vụ nhưng còn thiếu nguồn: 405 triệu đồng
 - Bổ sung có mục tiêu thực hiện nhiệm vụ: 143 triệu đồng.
 - c. Thu từ nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang: 520 triệu đồng
3. Dự toán Chi Ngân sách địa phương năm 2024: 10.416 triệu đồng (Mười tỷ bốn trăm mười sáu triệu đồng) gồm:

a) Chi thường xuyên: 10.215 triệu đồng.

Trong đó:

- Chi an ninh, quốc phòng:	3.579 triệu đồng
- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin:	281 triệu đồng
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao:	13 triệu đồng
- Chi sự nghiệp kinh tế:	393 triệu đồng
- Chi sự nghiệp xã hội:	67 triệu đồng
- Chi kinh phí sự nghiệp môi trường:	50 triệu đồng
- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:	5.783 triệu đồng
- Chi khác ngân sách:	49 triệu đồng

b) Dự phòng: 201 triệu đồng

(Kèm theo các biểu *NQ 02/2018/NQ-HĐND*: 30; 31; 32; 33; 34; 35; 36; 37; 38; 39; 40; 41; 42)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã Tân Bình triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân xã Tân Bình, 02 Ban Hội đồng nhân dân xã Tân Bình và đại biểu Hội đồng nhân dân xã Tân Bình tổ chức giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Tân Bình khóa XII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

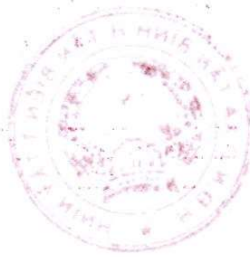
Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND huyện;
- Phòng Tư pháp huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- KBNN huyện;
- TT Đảng ủy; HĐND, UBND xã;
- UBMTTQVN xã, các đoàn thể xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Lưu: VT, VP HĐND và UBND xã.

CHỦ TỊCH



Đỗ Quang Hạnh



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM 2024
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Ước thực hiện năm 2023				Dự toán năm 2024				So sánh (%)			
		Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm			Tổng số	Bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK		Thu nội địa	Thu từ dầu thô	Thu từ hoạt động XNK
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ (2)												
1	Xã Tân Bình	13.523,69	13.523,69			10.416	10.416			77,02	77,02		

Ghi chú:

- (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.
 (2) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chỉ tiêu cột 3, 4, 7, 8 chỉ ghi dòng tổng số.

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)



1111

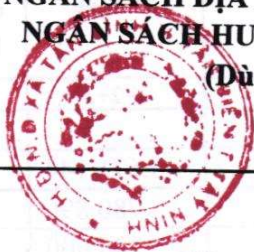
[illegible]

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I- Thu nội địa (2)	Bao gồm			II- Thu từ dầu thô (3)	III- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu (3)	Bao gồm					
				1. Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	2. Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	...			1. Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	2. Thuế xuất khẩu	3. Thuế nhập khẩu	4. Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	5. Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	6. Thu khác
				3	4	5			8	9	10	11	12	13
A	B	1	2											
d	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.148	8.148		8.148									
-	Thu bổ sung cân đối	7.600	7.600		7.600									
-	Thu bổ sung nguồn thực hiện tiền lương	-	-		-									
	Thu bổ sung đảm bảo còn thiếu nguồn	405	405		405									
-	Thu bổ sung có mục tiêu	143	143		143									
e	Thu được hưởng từ nguồn huyện quản lý thu	798	798		798									
f	Thu từ nguồn cải cách tiền lương năm trước chuyển sang	520	520		520									

Ghi chú:

- (1) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh chi tiết đến từng huyện; thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện chi tiết đến từng xã.
(2) Thu nội địa chi tiết từng khu vực thu, khoản thu.
(3) Thu NSNN trên địa bàn huyện, xã không có thu từ dầu thô, thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu. Các chi tiêu cột 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 chi ghi dòng tổng số.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024
(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP			
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	10.416		10.416
I	Chi đầu tư phát triển (1)			-
1	Chi đầu tư cho các dự án			-
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			-
-	Chi khoa học và công nghệ			-
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			-
3	Chi đầu tư phát triển khác			-
II	Chi thường xuyên	10.215		10.215
	<i>Trong đó:</i>			-
1	Chi dân quân tự vệ, an ninh trật tự	3.579		3.579
-	Chi dân quân tự vệ	2.554		2.450
-	Chi an ninh trật tự	1.025		888
2	Sự nghiệp giáo dục			-
3	Sự nghiệp y tế			-
4	Sự nghiệp văn hóa thông tin	281		275
5	Sự nghiệp thể dục thể thao	13		13
6	Sự nghiệp kinh tế	393		393
-	Sự nghiệp giao thông	20		20
-	Sự nghiệp nông - lâm- thủy lợi- hải sản			-
-	Sự nghiệp thị chính	373		373
-	Thương mại, dịch vụ			-
-	Các sự nghiệp khác			-
7	Sự nghiệp xã hội	67		67
-	Hưu xã, thôi việc và trợ cấp khác	67		67
-	Chi cho người làm công tác quản lý chi trả chế độ, chính sách BHXH (TTLT 29/2014/TTLT- BLĐTBXH- BTC)	-		-
-	Chi xã hội khác			-
8	Chi sự nghiệp môi trường	50		50
9	Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể	5.783		5.783

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh (huyện)	Ngân sách huyện (xã)
A	B	1=2+3	2	3
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
9.1	Quản lý Nhà nước	3.671,144		3.671,144
9.2	Đảng	780,896		780,896
9.3	Mặt trận Tổ quốc	206,000		206,000
9.4	Đoàn Thanh niên CSHCM	161,000		161,000
9.5	Hội phụ nữ Việt Nam	174,000		174,000
9.6	Hội Cựu chiến binh Việt Nam	185,000		185,000
9.7	Hội nông dân Việt Nam	149,000		149,000
9.8	Hội Chữ thập đỏ	64,320		64,320
9.9	Hội Người cao tuổi	64,320		64,320
9.10	Hội chất độc da cam	58,320		58,320
9.11	Hội đồng nhân dân	269,000		269,000
10	Chi khác	49		49
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (2)			-
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)			-
V	Dự phòng ngân sách	201		201
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)			-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			-

Ghi chú:

(1) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	10.416
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	10.416
I	Chi đầu tư phát triển (2)	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi quốc phòng	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
-	Chi thể dục thể thao	
-	Chi bảo vệ môi trường	
-	Chi các hoạt động kinh tế	
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
-	Chi bảo đảm xã hội	
-	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	10.215
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ (3)	
-	Chi quốc phòng	2.554
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.025
-	Chi y tế, dân số và gia đình	
-	Chi văn hóa thông tin	246
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	7
-	Chi thể dục thể thao	13
-	Chi bảo vệ môi trường	50
-	Chi XD đời sống khu dân cư, gia đình văn hóa	28
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự ATGT cho Ban ATGT xã	20
-	Chi các hoạt động kinh tế	373
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	5.783
-	Chi bảo đảm xã hội	67
-	Chi thường xuyên khác	49
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay (3)	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (3)	
V	Dự phòng ngân sách	201
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

Ghi chú:

(1) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp dưới.

(2) Năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, dự toán chi đầu tư phát triển ngân sách địa phương được xác định bằng định mức phân bổ chi đầu tư phát triển do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định cộng với (+) số bội chi ngân sách địa phương (nếu có) hoặc trừ đi (-) số bội thu ngân sách địa phương và chi trả nợ lãi (nếu có).

(3) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ, chi trả nợ vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CÁC CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ) CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	10.416	-	10.406	-	-	-	-	10	-	10	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	10.215	-	10.205	-	-	-	-	10	-	10	-
1	Ban Chi huy Quân sự	2.554		2.554								
2	Công an xã	1.025		1.025								
3	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	40		40								
4	Đài truyền thanh	7		7								
5	Ban quản lý các ấp	28		28								
6	Các Chi hội ấp	-		-								
7	Ban ATGT xã	20		20								
8	Đảng	780,896		780,896								
9	UBND xã	4.487,000		4.477,000					10		10	
10	Mặt trận Tổ quốc	206,000		206,000								
11	Đoàn Thanh niên CSHCM	161,000		161,000								
12	Hội phụ nữ Việt Nam	174,000		174,000								
13	Hội Cựu chiến Binh Việt Nam	185,000		185,000								
14	Hội nông dân Việt Nam	149,000		149,000								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Hội Chữ thập đỏ	64,320		64,320								
16	Hội Người cao tuổi	64,320		64,320								
17	Hội đồng nhân dân	269,000		269,000								
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (1)											
III	CHI BỎ SUNG QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH (1)											
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	201		201								
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG											
VI	CHI BỎ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (2)											
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU											

hị chủ:

-) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi trả lãi vay, chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính.
-) Ngân sách xã không có nhiệm vụ chi bổ sung cân đối cho ngân sách cấp.

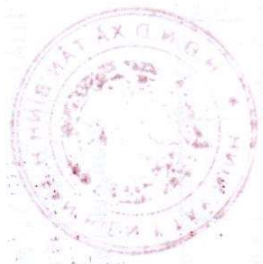
**DỰ TOÀN CẢNH TỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN, XÃ)
CHỌ TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024**

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

[illegible]

100-100000-100

100-100000-100



Section		Township		Range		County		State	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
41	42	43	44	45	46	47	48	49	50
51	52	53	54	55	56	57	58	59	60
61	62	63	64	65	66	67	68	69	70
71	72	73	74	75	76	77	78	79	80
81	82	83	84	85	86	87	88	89	90
91	92	93	94	95	96	97	98	99	100

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ
CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024
(Điền cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG SỐ	10.215	0	0	2.554	1025	0	274	7	13	50	373	20	0	5.800	70	49	
1	Ban Chỉ huy Quân sự	2.554			2.554													
2	Công an xã	1.025				1.025												
3	Trung tâm văn hóa học tập cộng đồng	40						40										
4	Đài truyền thanh	7							7									
5	Ban quản lý các ấp	28						28										
6	Các Chi hội ấp	-						0										
7	UBND xã	4.449,000						206										
8	Đảng	780,896								13	50	373	20	0	3.688,000	70	49	
9	Mặt trận Tổ quốc	206,000													780,896			
10	Đoàn Thanh niên CSHCM	161,000													206,000			
11	Hội phụ nữ Việt Nam	174,000													161,000			
12	Hội Cựu chiến Binh Việt Nam	185,000													174,000			
13	Hội nông dân Việt Nam	149,000													185,000			
14	Hội Chữ thập đỏ	64,320													149,000			
15	Hội Người cao tuổi	64,320													64,320			
16	Hội chất độc da cam	58,320													64,320			
17	Hội đồng nhân dân	269,000													58,320			
															269,000			

Đơn vị: Triệu đồng

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN (XÃ) NĂM 2024

Biểu mẫu số 38



Đơn vị: Triệu đồng

Chương trình mục tiêu quốc gia...																		
STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Đầu tư phát triển				Kinh phí sự nghiệp									
					Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1=+3	2=5+12	3=8+15	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10	11=12+15	12=13+14	13	14	15=16+17	16	17
	TỔNG SỐ																	
I	Ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã)																	
1	Cơ quan A																	
2	Tổ chức B																	
3																		
II	Ngân sách huyện (xã)																	
1	Huyện A																	
2																		
3	Thành phố TN																	
4	Xã Tân Bình																	
5	Phường B											10					10	
6	Thị trấn C																	

Ghi chú: (1) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh chi: 44.

Ghi chú: (1) Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách tỉnh chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức và từng huyện. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách huyện chi tiết đến từng xã. Chi Chương trình mục tiêu quốc gia ngân sách xã chi tiết đến từng cơ quan, tổ chức.



[illegible]



**TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH
QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2024**

(Dùng cho ngân sách tỉnh - năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách)

Đơn vị: %

STT	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế				
		Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân SX,KD, HH,DV	Thuế thu nhập cá nhân	Lệ phí trước bạ nhà, đất	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
A	B	1	2	3	4	5
1	Xã Tân Bình	100	0	100	100	100

Đơn vị: Triệu đồng

Ghi chú:

- (1) Chỉ ngân sách tỉnh chi tiết đến từng huyện; chỉ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.
- (2) Theo quy định tại Điều 7, Điều 11 và Điều 39 Luật NSNN, ngân sách huyện, xã không có nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ.

DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH (HUYỆN) CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN (XÃ) NĂM 2024

(Dùng cho ngân sách tỉnh, huyện)



Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ				
4	Xã Tân Bình	143	0	133	10

Ghi chú: (1) Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh chi tiết đến từng huyện. Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách huyện chi tiết đến từng xã.

